

CÔNG TY CỔ PHẦN FARMINGLY CLOUD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FARMINGLY CLOUD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FARMINGLY CLOUD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FARMINGLY CLOUD., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108639200

3. Ngày thành lập: 07/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 2807, tầng 28, tòa A3 Ecolife Capitol, số 58 Tố Hữu , Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
4.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
5.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
6.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
7.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
8.	Trồng cây cà phê	0126
9.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
10.	Trồng cây chè	0127
11.	Trồng cây lâu năm khác	0129
12.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
13.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
14.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
15.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
16.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
17.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
18.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
19.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
20.	Sản xuất cà phê	1077
21.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

22.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
23.	Trồng cây hàng năm khác	0119
24.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
25.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
26.	Chăn nuôi khác	0149
27.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
28.	Trồng lúa	0111
29.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
30.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
31.	Trồng cây lấy sợi	0116
32.	Trồng cây cao su	0125
33.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
34.	Cổng thông tin	6312
35.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
41.	Trồng cây mía	0114
42.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
43.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
44.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
45.	Chăn nuôi gia cầm	0146
46.	Trồng cây ăn quả	0121
47.	Trồng cây điều	0123
48.	Trồng cây hồ tiêu	0124
49.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
50.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
51.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
52.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
53.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
54.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
55.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

56.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
57.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
58.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
59.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
60.	Bán buôn đồ uống	4633
61.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
62.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
63.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
64.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
65.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông; - Cung cấp dịch vụ viễn thông - Dịch vụ viễn thông cơ bản gồm: Dịch vụ thoại ; Dịch vụ fax; Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ truyền hình ảnh; Dịch vụ nhắn tin; Dịch vụ hội nghị truyền hình; Dịch vụ kênh thuê riêng; Dịch vụ kết nối Internet; - Dịch vụ viễn thông gia trị gia tăng gồm: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax gia tăng giá trị; Dịch vụ truy cập Internet - Cung cấp dịch vụ Internet - Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động; - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; - Thiết lập mạng xã hội; - Dịch vụ ứng cứu sự cố mạng; - Truyền đưa thông tin số	6190
66.	Sản xuất đường	1072
67.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
68.	Sản xuất chè	1076
69.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161(Chính)
70.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
71.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
72.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4610
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

74.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ các loại Nhà nước cấm)	4669
75.	Lập trình máy vi tính	6201
76.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. - Hoạt động công nghiệp phần cứng - Hoạt động công nghiệp phần mềm - Hoạt động công nghiệp nội dung	6209
77.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ hoạt động xây dựng hạ tầng viễn thông)	6311
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀNG LONG	Số 5 Dãy B TT1 Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	88.000	880.000.000	88,000	0010730169 46	
			Tổng số	88.000	880.000.000	88,000		
2	NGUYỄN THANH THỦY	405 Tổ 17, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000	20.000.000	2,000	0011900094 07	
			Tổng số	2.000	20.000.000	2,000		

3	NGUYỄN MAI KHANH	Số 496 Tổ 17, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	012215208	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MAI KHANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012215208

Ngày cấp: 26/07/2010 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 496 Tổ 17, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4 ngõ 66 đường làng Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội